

.....oo.....

TP.HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2019

NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch	
Ông Lê Vĩnh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2018
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2018
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Hòa	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm soát và là Thành viên từ ngày 28/04/2018
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2018
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Thanh Lan

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2018/TT-BTC ngày 22/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2018/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hoàng Hà

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số: 112/2019/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*(Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018)*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2019, từ trang 06 đến trang 48 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng.

Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2018 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.704.055.142	346.833.900.478
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.500.264.901	31.156.323.250
Tiền	111		21.270.264.901	31.156.323.250
Các khoản tương đương tiền	112		5.230.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.724.735.237	108.491.264.265
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	164.021.912.438	107.239.326.192
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.749.296.022	1.697.554.460
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	9.659.693.526	1.310.528.362
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(1.711.106.750)	(1.761.084.750)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	7	186.445.155.025	198.519.297.653
Hàng tồn kho	141		186.445.155.025	198.519.297.653
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.033.899.979	8.667.015.310
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	816.483.683	1.856.009.558
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.037.138.702	6.743.813.233
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	180.277.594	67.192.519
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.324.293.364	209.120.333.885
Các khoản phải thu dài hạn	210		173.460.684	587.435.043
Phải thu dài hạn khác	216	6	173.460.684	587.435.043
Tài sản cố định	220		94.683.501.165	110.405.555.808
Tài sản cố định hữu hình	221	10	56.416.531.712	61.629.326.415
- Nguyên giá	222		97.748.656.538	94.888.926.930
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.332.124.826)	(33.259.600.515)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	-	9.422.542.688
- Nguyên giá	225		-	13.796.893.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(4.374.350.619)
Tài sản cố định vô hình	227	12	38.266.969.453	39.353.686.705
- Nguyên giá	228		45.566.332.444	45.566.332.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.299.362.991)	(6.212.645.739)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.076.093.700	31.076.093.700
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	31.076.093.700	31.076.093.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	70.000.000.000	63.200.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	63.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.391.237.815	3.851.249.334
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.391.237.815	3.851.249.334
TỔNG TÀI SẢN	270		588.028.348.506	555.954.234.363

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		277.616.971.755	261.572.177.031
Nợ ngắn hạn	310		273.045.809.987	253.129.948.055
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	29.320.449.809	52.490.669.441
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.402.455.586	1.456.865.006
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.993.879.830	1.668.768.480
Phải trả người lao động	314		5.083.182.782	5.147.006.526
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.178.029.819	4.019.278.264
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	128.847.972	293.162.883
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	231.575.531.002	187.046.043.168
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.363.433.187	1.008.154.287
Nợ dài hạn	330		4.571.161.768	8.442.228.976
Phải trả dài hạn khác	337	17	284.638.000	263.238.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	4.286.523.768	8.178.990.976
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	310.411.376.751	294.382.057.332
Vốn chủ sở hữu	410		310.411.376.751	294.382.057.332
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.792.000.000	275.792.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.792.000.000	275.792.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.175.955.129	6.044.281.728
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.693.421.622	12.795.775.604
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.546.376.697)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		44.239.798.319	12.795.775.604
TỔNG NGUỒN VỐN	440		588.028.348.506	555.954.234.363



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	683.534.778.456	671.923.389.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	16.501.740.520	24.774.956.683
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		667.033.037.936	647.148.432.807
Giá vốn hàng bán	11	22	570.876.494.764	558.152.298.009
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.156.543.172	88.996.134.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	30.084.555.112	12.169.747.559
Chi phí tài chính	22	24	14.201.811.411	15.416.014.863
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.013.593.574	14.414.098.020
Chi phí bán hàng	25	25	45.806.287.330	43.498.459.861
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.423.119.269	18.213.135.088
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.809.880.274	24.038.272.545
Thu nhập khác	31	26	1.393.258.134	765.729.819
Chi phí khác	32	27	428.120.709	264.412.447
Lợi nhuận khác	40		965.137.425	501.317.372
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.775.017.699	24.539.589.917
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.535.219.380	2.953.102.345
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.239.798.319	21.586.487.572



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		48.775.017.699	24.539.589.917
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.967.583.940	10.001.157.088
Các khoản dự phòng	03		(49.978.000)	(664.416.609)
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(26.745.140.958)	(10.203.923.133)
Chi phí lãi vay	06		14.013.593.574	14.414.098.020
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.961.076.255	38.086.505.283
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(61.175.929.157)	66.621.453.900
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		12.074.142.628	(106.682.666.918)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.951.735.359)	(42.292.198.735)
(Tăng) chi phí trả trước	12		3.499.537.394	(2.451.597.975)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.022.995.779)	(9.657.612.520)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.219.326.730)	(2.597.050.355)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		205.947.471	90.446.300
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(271.123.300)	(5.992.090.660)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.900.406.577)	(64.874.811.680)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.988.437.920)	(17.712.320.546)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		722.954.454	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(28.200.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.063.669.412	10.203.923.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.798.185.946	(30.708.397.413)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		490.025.429.745	419.465.083.513
Tiền trả nợ gốc vay	34		(446.719.834.048)	(314.078.161.021)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(2.293.147.715)	(2.836.392.946)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.566.285.700)	(271.162.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.446.162.282	102.279.367.354
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.656.058.349)	6.696.158.261
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	31.156.323.250	24.460.164.989
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	26.500.264.901	31.156.323.250



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 17 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 225.792.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi năm tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đàng A, Xã Cour Đàng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 31/12/2018 Công ty có 283 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2017 là 308 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng năm 2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- d. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- e. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bán cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.8 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.228.224.609	2.254.647.792
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.042.040.292	28.901.675.458
Các khoản tương đương tiền	5.230.000.000	-
	26.500.264.901	31.156.323.250

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	164.021.912.438	(1.711.106.750)	107.239.326.192	(1.761.084.750)
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	5.727.796.350	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	35.100.546.435	-	-	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	9.492.598.641	-	-	-
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	938.373.216	(938.373.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty Cổ Phần Dầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	4.949.657.609	-	13.917.409.009	-
- Nhà phân phối Đức Trung - Đồng Nai	3.920.842.892	-	2.129.882.043	-
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2.662.838.553	-	2.467.883.665	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.565.523.125	-	3.273.312.676	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim loại Vina	22.551.335.398	-	28.314.181.000	-
- Các đối tượng khác	75.339.666.685	-	55.375.573.049	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	164.021.912.438	(1.711.106.750)	107.239.326.192	(1.761.084.750)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 31.3)	13.242.977.084	-	17.313.481.565	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	9.659.693.526	-	1.310.528.362	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	950.362.312	-	962.008.865	-
- Ký cược, ký quỹ	38.202.112	-	37.100.000	-
- Bảo hiểm xã hội	121.739.939	-	121.019.849	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	49.389.163	-	190.399.648	-
- Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	8.500.000.000	-	-	-
Dài hạn	173.460.684	-	587.435.043	-
- Ký cược, ký quỹ	173.460.684	-	587.435.043	-
	9.833.154.210	-	1.897.963.405	-
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 31.3)	8.500.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/S ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	4.136.285.027	-	15.752.373.179	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.353.239.342	-	61.604.039.778	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.799.679.715	-	9.041.976.931	-
Thành phẩm	21.579.097.479	-	23.620.871.774	-
Hàng hóa	93.576.853.462	-	88.500.035.991	-
	186.445.155.025	-	198.519.297.653	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	816.483.683	1.856.009.558
- Chi phí trả trước về thuê kho	449.793.330	775.886.900
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.651.093	803.612.335
- Các khoản khác	283.039.260	276.510.323
Dài hạn	1.391.237.815	3.851.249.334
- Chi phí Công cụ dụng cụ	411.366.993	594.990.416
- Chi phí sửa chữa	40.277.777	65.388.748
- Chi phí mua bảo hiểm	28.135.206	46.825.182
- Các khoản khác	911.457.839	3.144.044.988
	2.207.721.498	5.707.258.892

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quyền sử dụng đất (*)	31.076.093.700	31.076.093.700
	31.076.093.700	31.076.093.700

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
01/01/2018	31.835.646.904	21.469.492.403	41.240.147.714	343.639.909	94.888.926.930
- Mua trong năm	-	380.797.200	1.416.991.905	-	1.797.789.105
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	4.192.905.022	9.639.988.285	-	13.832.893.307
- Góp vốn Công ty con	-	(4.192.905.022)	(6.582.848.789)	-	(10.775.753.811)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.416.977.648)	(578.221.345)	-	(1.995.198.993)
31/12/2018	31.835.646.904	20.433.311.955	45.136.057.770	343.639.909	97.748.656.538
HAO MÓN LỬ KẾ					
01/01/2018	(7.029.253.287)	(14.823.623.613)	(11.064.856.390)	(341.867.225)	(33.259.600.515)
- Khấu hao trong năm	(1.425.745.572)	(2.408.622.300)	(4.242.730.322)	(1.772.684)	(8.078.870.878)
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	(1.843.791.510)	(3.332.554.919)	-	(5.176.346.429)
- Góp vốn Công ty con	-	1.843.791.510	2.233.506.338	-	4.077.297.848
- Thanh lý, nhượng bán	-	913.288.016	192.107.132	-	1.105.395.148
31/12/2018	(8.454.998.859)	(16.318.957.897)	(16.214.528.161)	(343.639.909)	(41.332.124.826)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	24.806.393.617	6.645.868.790	30.175.291.324	1.772.684	61.629.326.415
31/12/2018	23.380.648.045	4.114.354.058	28.921.529.609	-	56.416.531.712

Tại ngày 31/12/2018, Tài sản cố định công trình xây dựng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 26.874.653.547 đồng và 21.156.117.081 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018: 6.210.626.424 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2018	4.185.905.022	9.610.988.285	13.796.893.307
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.185.905.022)	(9.610.988.285)	(13.796.893.307)
31/12/2018	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2018	(1.594.630.495)	(2.779.720.124)	(4.374.350.619)
- Khấu hao trong năm	(249.161.015)	(552.834.795)	(801.995.810)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	1.843.791.510	3.332.554.919	5.176.346.429
31/12/2018	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2018	2.591.274.527	6.831.268.161	9.422.542.688
31/12/2018	-	-	-

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2018	45.156.600.444	409.732.000	45.566.332.444
31/12/2018	45.156.600.444	409.732.000	45.566.332.444
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2018	(5.997.319.971)	(215.325.768)	(6.212.645.739)
- Khấu hao trong năm	(1.004.770.836)	(81.946.416)	(1.086.717.252)
31/12/2018	(7.002.090.807)	(297.272.182)	(7.299.362.991)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2018	39.159.280.473	194.406.232	39.353.686.705
31/12/2018	38.154.509.637	112.459.818	38.266.969.453

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	70.000.000.000	-	63.200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (1)	70.000.000.000	-	63.200.000.000	-

(1) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 4 vào ngày 21 tháng 03 năm 2018 số tiền 70.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	29.320.449.809	29.320.449.809	52.490.669.441	52.490.669.441
- Công ty TNHH Posco VST	12.128.217.710	12.128.217.710	14.852.041.528	14.852.041.528
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	-	469.816.491	469.816.491
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	6.859.713.844	6.859.713.844	3.945.456.003	3.945.456.003
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4.999.730.149	4.999.730.149	15.806.896.841	15.806.896.841
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	2.760.285.531	2.760.285.531	15.211.400.004	15.211.400.004
- Các đối tượng khác	2.572.502.575	2.572.502.575	2.205.058.574	2.205.058.574
Dài hạn	-	-	-	-
	29.320.449.809	29.320.449.809	52.490.669.441	52.490.669.441
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 31.3)	15.655.017.151	15.655.017.151	36.164.098.538	36.164.098.538

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	433.355.490	5.157.745.284	5.118.954.535	472.146.239
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.203.411.194	4.535.219.380	4.219.326.730	1.519.303.844
- Thuế thu nhập cá nhân	32.001.796	1.587.782.486	1.617.354.535	2.429.747
- Các loại thuế khác	-	29.000.000	29.000.000	-
	1.668.768.480	11.309.747.150	10.984.635.800	1.993.879.830
	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	67.192.519	5.657.049.542	5.770.134.617	180.277.594
	67.192.519	5.657.049.542	5.770.134.617	180.277.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	12/31/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	2.178.029.819	4.019.278.264
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	930.459.740	1.149.705.491
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1.082.927.195	2.685.013.408
- Chi phí lãi vay	164.642.884	184.559.365
Dài hạn	-	-
	2.178.029.819	4.019.278.264

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	128.847.972	293.162.883
- Tài sản thừa chờ giải quyết	27.534.784	36.079.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.175.579	255.245.211
Dài hạn	284.638.000	263.238.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	284.638.000	263.238.000
	413.485.972	556.400.883

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	231.575.531.002	231.575.531.002	494.640.507.218	450.111.019.384	187.046.043.168	187.046.043.168
Vay ngắn hạn	229.638.939.010	229.638.939.010	490.713.671.830	441.813.278.467	180.738.545.647	180.738.545.647
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hồn (1)	95.496.375.971	95.496.375.971	196.736.273.515	187.545.128.523	86.305.230.979	86.305.230.979
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	46.848.072.779	46.848.072.779	87.628.802.034	40.780.729.255	-	-
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	-	29.089.053.979	58.098.832.507	29.009.778.528	29.009.778.528
- Ngân hàng TCMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	87.294.490.260	87.294.490.260	177.259.542.302	155.388.588.182	65.423.536.140	65.423.536.140
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1.936.591.992	1.936.591.992	3.620.293.344	5.679.339.344	3.995.637.992	3.995.637.992
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	832.800.000	832.800.000	832.800.000	954.800.000	954.800.000	954.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hồn (7)	835.392.000	835.392.000	1.075.718.352	2.050.514.352	1.810.188.000	1.810.188.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (5)	268.399.992	268.399.992	1.711.774.992	2.674.024.992	1.230.649.992	1.230.649.992
Nợ thuê tài chính (6)	-	-	306.542.044	2.618.401.573	2.311.859.529	2.311.859.529
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	-	-	306.542.044	2.618.401.573	2.311.859.529	2.311.859.529

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	4.286.523.768	4.286.523.768	353.953.184	4.246.420.392	8.178.990.976	8.178.990.976
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	4.286.523.768	4.286.523.768	353.953.184	3.896.551.176	7.829.121.760	7.829.121.760
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hồn (7)	178.933.768	178.933.768	-	1.711.774.992	1.890.708.760	1.890.708.760
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	3.073.190.000	3.073.190.000	353.953.184	1.351.976.184	4.071.213.000	4.071.213.000
Nợ thuế tài chính (6)	1.034.400.000	1.034.400.000	-	832.800.000	1.867.200.000	1.867.200.000
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	349.869.216	349.869.216	349.869.216
	-	-	-	349.869.216	349.869.216	349.869.216
	235.862.054.770	235.862.054.770	494.994.460.402	454.357.439.776	195.225.034.144	195.225.034.144

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 67/2018-HĐTDHM/NHCT944-SONHA ngày 03/08/2018 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 03/08/2018 đến ngày 31/07/2019;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 46/2016/HĐTC-SH ngày 08/09/2015, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015.

(2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/7015218/HĐTD ngày 25/05/2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/KHDN/17NH ngày 19/01/2017 kèm theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức ngày 30/03/2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 002/NHNT-KD/17 tháng 19/01/2017.

(4) Khoản vay theo hợp đồng số 0456/KH/15DN ký ngày 24/12/2015 số dư vay còn đến 31/12/2018 số tiền: 1.925.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay hoàn vốn đầu tư;
- Ngày đáo hạn: 30/12/2020;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Khuôn bồn nhựa.

Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 31/12/2018 số tiền: 705.600.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
- Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.

(5) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 139915/HĐTD-TD/H/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TD/H/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TD/H/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý;

(6) Thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Son Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hón, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
 - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
 - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
 - Tài sản đảm bảo: 06 chiếc xe tải Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	201.600.000.000	-	-	(227.272.727)	3.592.582.827	24.585.603.415	229.550.913.515
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu tăng trong năm	-	-	-	227.272.727	-	-	227.272.727
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	21.586.487.572	21.586.487.572
- Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	50.000.000.000	(250.000.000)	-	-	-	-	49.750.000.000
- Phân phối lợi nhuận trong năm	24.192.000.000	-	-	-	2.451.698.901	(33.376.315.383)	(6.732.616.482)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.451.698.901	(2.451.698.901)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(408.616.482)	(408.616.482)
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(6.048.000.000)	(6.048.000.000)
+ Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	24.192.000.000	-	-	-	-	(24.192.000.000)	-
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
31/12/2017	275.792.000.000	(250.000.000)	-	-	6.044.281.728	12.795.775.604	294.382.057.332
01/01/2018	275.792.000.000	(250.000.000)	-	-	6.044.281.728	12.795.775.604	294.382.057.332
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	44.239.798.319	44.239.798.319
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	(30.342.152.301)	(28.210.478.900)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.131.673.401	(2.131.673.401)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(355.278.900)	(355.278.900)
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(27.579.200.000)	(27.579.200.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
31/12/2018	275.792.000.000	(250.000.000)	-	-	8.175.955.129	26.693.421.622	310.411.376.751

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 số 32/2018/SHA ngày 28/04/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	41.314.800.000	-
Ông Lê Hoàng Hà	23.744.000.000	12.544.000.000
Các Cổ đông khác	210.733.200.000	263.248.000.000
	275.792.000.000	275.792.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	275.792.000.000	201.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	74.192.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	275.792.000.000	275.792.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	30.342.152.301	33.376.315.383

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.579.200	27.579.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu phổ thông	27.579.200	27.579.200
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.175.955.129	6.044.281.728

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu	683.534.778.456	671.923.389.490
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	683.534.778.456	671.923.389.490
Doanh thu với các bên liên quan	35.466.392.312	27.565.624.724
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	72.619.945	2.967.625.160
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	9.120.226.000	3.096.292.800
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	908.297.169
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	391.252.642	575.292.115
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	500.772.136	58.796.905
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	25.381.521.589	19.959.320.575

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	11.153.879.401	19.511.902.503
Giảm giá hàng bán	5.185.137.445	-
Hàng bán bị trả lại	162.723.674	5.263.054.180
	16.501.740.520	24.774.956.683

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	570.876.494.764	558.152.298.009
	570.876.494.764	558.152.298.009

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.669.412	10.072.680.284
Nhận cổ tức từ công ty con	26.500.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.478.699.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	42.186.200	2.097.067.275
	30.084.555.112	12.169.747.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	14.013.593.574	14.414.098.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	186.247.737	133.334.020
Chi phí tài chính khác	1.970.100	868.582.823
	14.201.811.411	15.416.014.863

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	18.423.119.269	18.213.135.088
Chi phí nhân viên	6.548.703.130	5.432.221.280
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	283.872.495	212.528.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.539.894.076	5.513.678.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.388.424.268	4.830.578.962
Chi phí khác	4.662.225.300	2.878.976.594
Các khoản chi phí bán hàng	45.806.287.330	43.498.459.861
Chi phí nhân viên	26.823.542.965	22.348.668.587
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	900.024.805	1.108.994.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.854.632.349	6.188.456.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.888.715.661	9.363.236.960
Chi phí khác	12.339.371.550	4.489.103.045

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	79.927.509	-
Lợi nhuận từ góp vốn bằng TSCĐ	101.544.037	-
Thu tiền cho thuê tài sản	159.443.880	159.443.880
Các khoản thu nhập khác	1.052.342.708	606.285.939
	1.393.258.134	765.729.819

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	119.417.706	119.417.706
Các khoản chi phí khác	308.703.003	144.994.741
	428.120.709	264.412.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.775.017.699	52.539.589.917
Các khoản chi phí không được khấu trừ	401.079.200	225.921.808
- Khấu hao TSCĐ	362.876.800	196.996.808
- Các khoản chi phí (phạt)	38.202.400	18.225.000
- Chi phí không hợp lý khác (không đầy đủ hóa đơn chứng từ)	-	10.700.000
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	26.500.000.000	38.000.000.000
- Cổ tức từ Công ty con chuyển về	26.500.000.000	38.000.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	22.676.096.899	14.765.511.725
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	4.535.219.380	2.953.102.345
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.535.219.380	2.953.102.345

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	141.396.984.619	120.241.074.936
Chi phí nhân công	38.799.385.405	31.923.254.348
Khấu hao tài sản cố định	9.967.583.940	10.001.157.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.703.321.702	15.363.995.529
Chi phí khác	17.001.596.850	7.368.079.639
	214.868.872.516	184.897.561.540

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.500.264.901	31.156.323.250
Phải thu khách hàng	162.310.805.688	105.478.241.442
Phải thu khác	8.761.051.959	814.934.691
Cộng	197.572.122.548	137.449.499.383
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	235.862.054.770	195.225.034.144
Phải trả người bán	29.320.449.809	52.490.669.441
Phải trả khác	284.638.000	263.238.000
Chi phí phải trả	2.178.029.819	4.019.278.264
Cộng	267.645.172.398	251.998.219.849
Trạng thái ròng	(70.073.049.850)	(114.548.720.466)

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Vay và nợ	231.575.531.002	4.286.523.768	235.862.054.770
Phải trả người bán	29.320.449.809	-	29.320.449.809
Phải trả khác	-	284.638.000	284.638.000
Chi phí phải trả	2.178.029.819	-	2.178.029.819
Cộng	263.074.010.630	4.571.161.768	267.645.172.398
01/01/2018			
Vay và nợ	187.046.043.168	8.178.990.976	195.225.034.144
Phải trả người bán	52.490.669.441	-	52.490.669.441
Phải trả khác	-	263.238.000	263.238.000
Chi phí phải trả	4.019.278.264	-	4.019.278.264
Cộng	243.555.990.873	8.442.228.976	251.998.219.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời gian quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Số liệu trong bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.500.264.901	-	26.500.264.901
Phải thu khách hàng	162.310.805.688	-	162.310.805.688
Phải thu khác	8.587.591.275	173.460.684	8.761.051.959
Cộng	197.398.661.864	173.460.684	197.572.122.548
01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.156.323.250	-	31.156.323.250
Phải thu khách hàng	105.478.241.442	-	105.478.241.442
Phải thu khác	227.499.648	587.435.043	814.934.691
Cộng	136.862.064.340	587.435.043	137.449.499.383

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Tổng cộng (Giá trị ghi sổ)		Không quá hạn				Quá hạn			
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
		Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Tổng	Dưới 1 năm Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Trên 1 năm Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Tổng	
31/12/2018										
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.500.264.901	-	26.500.264.901	26.500.264.901	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	164.021.912.438	-	162.310.805.688	162.310.805.688	-	-	1.711.106.750	-	1.711.106.750	-
Phải thu khác	8.761.051.959	-	8.761.051.959	8.761.051.959	-	-	-	-	-	-
	199.283.229.298	-	197.572.122.548	197.572.122.548	-	-	1.711.106.750	-	1.711.106.750	-
01/01/2018										
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.156.323.250	-	31.156.323.250	31.156.323.250	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	107.239.326.192	-	105.478.241.442	105.478.241.442	-	-	1.761.084.750	-	1.761.084.750	-
Phải thu khác	814.934.691	-	814.934.691	814.934.691	-	-	-	-	-	-
	139.210.584.133	-	137.449.499.383	137.449.499.383	-	-	1.761.084.750	-	1.761.084.750	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị suy giảm

	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
31/12/2018			
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.711.106.750	1.711.106.750	-
	<u>1.711.106.750</u>	<u>1.711.106.750</u>	<u>-</u>
01/01/2018			
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.761.084.750	1.761.084.750	-
	<u>1.761.084.750</u>	<u>1.761.084.750</u>	<u>-</u>

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
+ USD	102,88	102,88

31.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	6.800.000.000	74.192.000.000
Góp vốn bằng tài sản cố định	6.800.000.000	-
- Thanh lý TSCĐ chưa thu tiền	343.750.035	-
- Trát phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	-	50.000.000.000
- Tăng vốn từ lợi nhuận để lại	-	24.192.000.000
Số tiền đi vay thực thu trong năm	490.025.429.745	419.465.083.513
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	490.025.429.745	419.465.083.513
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	446.719.834.048	314.078.161.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính 2018 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là Phó Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Ông Ngô Văn Thông	Thành viên Ban Kiểm soát

Thu nhập của Ban giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	832.892.000	895.576.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	276.000.000	276.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	356.304.485	3.270.129.700
Đi thuê tài sản	121.134.540	121.134.540
Chi phí dịch vụ	162.550.000	181.370.000
Bán hàng hóa	72.619.945	2.967.625.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng Hợp Sơn Hà	9.120.226.000	3.096.292.800
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.120.226.000	3.096.292.800
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	908.297.169
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	908.297.169
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	43.354.749.630	37.187.281.976
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	42.853.977.494	37.128.485.071
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	500.772.136	58.796.905
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	241.123.979.366	288.637.018.097
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	237.094.583.344	285.805.214.827
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	391.252.642	575.292.115
Chiết khấu thanh toán	3.478.699.500	2.097.067.275
Cho thuê tài sản	159.443.880	159.443.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3 NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	11.522.721.261	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	11.522.721.261	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	191.456.427.356	80.001.836.180
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	132.774.905.767	50.042.515.605
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	25.381.521.589	19.959.320.575
Góp vốn bằng tài sản cố định	6.800.000.000	-
Lợi nhuận SHQ chuyển về	26.500.000.000	10.000.000.000
Ông Ngô Văn Thông - Mua đất	-	6.000.000.000

Sổ dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng	13.241.977.084	17.313.481.565
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	5.727.796.350	-
- Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	2.565.523.125	3.273.312.676
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	122.759.880
- Công ty Cổ Phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	4.949.657.609	13.917.409.009
Phải thu ngắn hạn khác	36.500.000.000	28.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	36.500.000.000	28.000.000.000
Phải trả nhà cung cấp	15.655.017.151	36.164.098.538
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4.999.730.149	15.806.896.841
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	469.816.491
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	6.859.713.844	3.945.456.003
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	2.760.285.531	15.211.400.004
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà (SHK)	1.035.287.627	730.529.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2018	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	354.982.347.391	312.050.690.545	667.033.037.936
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	354.982.347.391	312.050.690.545	667.033.037.936
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	84.161.646.061	11.994.897.111	96.156.543.172
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(64.229.406.599)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			31.927.136.573
Doanh thu hoạt động tài chính			30.084.555.112
Chi phí tài chính			(14.201.811.411)
Thu nhập khác			1.393.258.134
Chi phí khác			(428.120.709)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.535.219.380)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			44.239.798.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2017	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	316.618.814.708	330.529.618.099	647.148.432.807
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	316.618.814.708	330.529.618.099	647.148.432.807
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	64.529.380.590	24.466.754.208	88.996.134.798
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(61.711.594.949)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			27.284.539.849
Doanh thu hoạt động tài chính			12.169.747.559
Chi phí tài chính			(15.416.014.863)
Thu nhập khác			765.729.819
Chi phí khác			(264.412.447)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.953.102.345)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			21.586.487.572

31.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

31.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.



Lê Hoàng Hà
Chủ tịch
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Ngô Thị Thanh Lan
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh
Người lập